

Số : 78/VTNN

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi : - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức:** Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
 - Mã chứng khoán: DOC
 - Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai
 - Điện thoại liên hệ: (0251) 3836 270 - 3833 289 Fax: (0251) 3836 270 - 3833 289
 - E-mail: docambh@vnn.vn
 - Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Anh Thy- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

- Nội dung thông tin công bố.**

Công bố thông tin: Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 05/8/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thanh lý các TSCĐ gắn liền với đất tại KCN Biên Hoà 1, một số TSCĐ khác đã cũ và một số công cụ, dụng cụ, vật rở tiền mau hỏng cần thanh lý khi di dời trụ sở chính Công ty ra khỏi KCN Biên Hoà 1.

- Thông tin** này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mục quan hệ cổ đông vào ngày 06/8/2025 tại đường dẫn “ docam.vn/tai-lieu-van-ban/”

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT số 07/NQ-HĐQT ngày 05/8/2025 của HĐQT.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT



Phan Thị Anh Thy

Đồng Nai, ngày 05 tháng 8 năm 2025

Số: 07/NQ-HĐQT

NGHỊ QUYẾT

V/v thanh lý các TSCĐ gắn liền với đất tại KCN Biên Hoà 1, một số TSCĐ khác đã cũ và một số công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng cần thanh lý khi di dời trụ sở chính Công ty ra khỏi KCN Biên Hoà 1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 506/TCTCNTP-HĐTV ngày 30/7/2025 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai V/v một số nội dung liên quan việc di dời ra khỏi KCN Biên Hoà 1 của Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/8/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất chủ trương về việc thanh lý toàn bộ các tài sản cố định gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Biên Hoà 1, một số tài sản cố định là thiết bị rời, đã cũ, không sử dụng khi di dời ra khỏi KCN Biên Hoà 1 và một số công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng nhằm phục vụ cho công tác di dời, bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với KCN Biên Hoà 1 theo chủ trương chung của tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 và Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22/6/2025, cụ thể như sau:

a) Tài sản cố định gắn liền với đất tại KCN Biên Hoà 1:

- Số lượng danh mục TSCĐ: 30 tài sản.
- Nguyên giá: 16.340.563.981 đồng.
- Đã khấu hao hết. Giá trị còn lại: 0 đồng

b) Tài sản cố định là thiết bị rời, đã cũ, không sử dụng khi di dời:

- Số lượng danh mục TSCĐ: 04 tài sản
- Nguyên giá: 325.836.364 đồng
- Đã khấu hao hết. Giá trị còn lại: 0 đồng

Tổng cộng tài sản cố định đề nghị thanh lý (a+b):

- Số lượng TSCĐ: 34 tài sản
- Nguyên giá: 16.666.400.345 đồng
- Đã khấu hao hết. Giá trị còn lại: 0 đồng

(Kèm bảng kê chi tiết a và b)



BẢNG KÊ

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (GẮN LIỀN VỚI ĐẤT) & THIẾT BỊ RỜI CẦN THANH LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐQT ngày 05/8/2025)

ST T	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ	THỜI GIAN TRÍCH KHẤU HAO	Thời gian bắt đầu trích khấu hao	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
a	Tài sản cố định gắn liền với đất:	16.340.563.981			-
1	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm (52,4m2)	63.928.000	10	1994	-
2	Kho giống (392,8m2)	319.346.400	10	1985	-
3	Kho bao bì (364,9m2)	296.663.700	10	1977	-
4	Kho nông sản (Kho Euromat) (322,9m2)	393.938.000	20	1977	-
5	Nhà văn phòng (VPCTy 1) (285,4m2)	539.406.000	15	1975	-
6	Hội trường (VPCty 2) (188,2m2)	229.604.000	6	1984	-
7	Kho A (2.174,8m2)	2.652.646.000	20	1975	-
8	Kho B (2.175,3m2)	2.653.866.000	20	1975	-
9	Kho số 1 (kho nông sản 1) (867,3m2)	1.058.106.000	20	1977	-
10	Nhà để xe ôto, xe CNV (102,8m2)	57.876.400	10	1998	-
11	Kho số 2 (kho nông sản LA 2) (984.4m2)	1.200.968.000	20	1999	-
12	Xưởng sơ chế (595m2)	483.735.000	20	2003	-
13	Nhà kho cơ khí (91m2)	51.233.000	6	2000	-
14	Kho số 3 (kho nông sản 3 -mỳ lát) (1.217,7m2)	1.485.594.000	20	2001	-
15	Hàng rào (dài 143,5m- cao 2,85m)	116.743.296	5	2002	-
16	Kho số 4 (Kho trên nền sân phơi) (1.132,9m2)	1.382.138.000	20	2002	-
17	Nhà để xe CNV (85,4m2)	48.080.200	6	2003	-
18	Mương cống thoát nước 270m	82.550.999	5	2004	-
19	Khu tập kết nguyên liệu (410,9m2)	231.336.700	5	2005	-
20	Đường đi giữa kho 3& kho 4	30.423.292	5	2007	-
21	Nhà vệ sinh công nhân (24,9m2)	37.862.563	6	2006	-
22	Sân đường nội bộ (giai đoạn 1) (3.052m2)	555.346.886	10	2006	-
23	Kho Số 5 (1.512m2)	1.474.056.507	15	2009	-
24	Nhà ăn, nhà bếp (262,8m2)	147.956.400	10	1987	-
25	Nhà lưu trữ (nhà 4 gian) (236,5m2)	192.274.500	10	1984	-

3333236
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP
ĐỒNG NAI
TR. 100 - T. ĐỒNG NAI

26	Nhà vệ sinh (17,4m2)	37.296.584	6	2001	-
27	Nhà vệ sinh 5m*3,5m (Văn phòng)	53.134.515	6	2011	-
28	Điện TBA 75KVA+Nâng cấp lên 250KVA	170.829.416	10	1999	-
29	Đường dây hạ thế máy LA2	59.296.000	7	1999	-
30	Cân xe 60T	234.327.623	7	2000	-
b	Thiết bị rời cần thanh lý khi di dời:	325.836.364			-
31	Băng Tải Cánh Bướm 4+6m	46.500.000	5	2007	-
32	Băng tải cánh bướm 6+4m	46.500.000	5	2007	-
33	Băng tải cánh bướm 6+4m (hđ 87/CK,MCF,07)	49.200.000	5	2007	-
34	Máy xúc đất Mitsibishi WS200L	183.636.364	8	2014	-
	TỔNG CỘNG:	16.666.400.345			-